Bản tin Phân tích kỹ thuật

04/12/2025

Vietcap

Vũ Minh Đức
Phó Giám đốc
duc.vu@vietcap.com.vn
+8428 3914 3588 ext.363

Lê Hải Đăng
Chuyên viên
dang.le@vietcap.com.vn
+8428 3914 3588 ext.570

Chiến lược HĐTL chỉ số VN30

Nguồn: Vietcap

Nhận định:

- VN30F2512 nhận được hoạt động mua quanh vùng 1.966 điểm, đóng cửa với tín hiệu tăng giá với khuynh hướng kiểm định lại vùng giá cao 1.986 điểm. (M15)
- Khuyến nghị mở vị thế mua với mục tiêu là 1.986 điểm và dừng lỗ khi xuất hiện giá đóng cửa dưới ngưỡng 1.974 điểm. (M15)

Chiến lược:

- Mua (B): 1.977 điểm
- Mục tiêu (TP): 1.986 điểm
- Dừng lỗ (SL): 1.974 điểm

Quan điểm kỹ thuật

	Ngắn hạn	Trung hạn
VN-Index	Tích cực	Tích cực
VN30	Tích cực	Tích cực
VNMid	Tích cực	Trung tính
VNSmall	Tích cực	Trung tính
HNX	Trung tính	Trung tính

Nguồn: Vietcap

- Cổ phiếu Ngân hàng, Chứng khoán, Bán lẻ tiếp tục tạo động lực tăng giá cho VN-Index, ngoài ra còn có sự trở lại của nhóm Thép (HPG). Sàn HOSE ghi nhận sắc xanh lấn át cho thấy hoạt động mua duy trì sự dàn trải ở mọi phân khúc vốn hóa. Trong ngắn hạn, tín hiệu chỉ số VNMidcap và VNSmallcap nâng lên mức Tích cực.
- Về tín hiệu kỹ thuật, hoạt động tăng giá/phục hồi ngắn hạn được xác nhận trên 71% cổ phiếu Bất động sản, 95% cổ phiếu Ngân hàng, 100% cổ phiếu Dầu khí, 82% cổ phiếu Bán lẻ.
- VN-Index vận động quanh vùng giá cao kèm sắc xanh diện rộng cho thấy chỉ số vẫn được bỗ trợ bởi lực cầu mới trên mọi phân khúc vốn hóa. Do đó, vùng 1.795-1.800 điểm sẽ là mục tiêu tiếp theo trong thời gian tới. Khu vực 1.730 (+/- 5) điểm là hỗ trợ cho đà tăng trong phiên.

Tín hiệu kỹ thuật các cổ phiếu vốn hóa lớn trên HOSE

TOP 15 ĐÓNG GÓP VÀO CHỈ SỐ VNINDEX												
Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Vốn hóa (tỷ VND)	Thay đổi chỉ số	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
MBB	25,700	4.68%	9.36%	207,013	2.041	3,017	1.6	8.5	Tích cực	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực
VIC	267,000	-0.89%	7.66%	1,028,755	-1.929	2,287	7.1	116.8	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VHM	105,200	-1.50%	2.63%	432,100	-1.362	6,133	2.0	17.2	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VJC	206,000	-3.74%	1.98%	121,872	-0.959	2,897	5.0	71.1	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
HPG	27,300	1.87%	1.49%	209,540	0.823	1,876	1.7	14.6	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VPL	102,000	2.00%	13.97%	182,917	0.770	-60	5.1	-1,710.6	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
TCB	35,400	1.43%	4.89%	250,853	0.756	3,112	1.5	11.4	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực
HDB	32,950	2.17%	2.97%	127,168	0.581	4,091	1.9	8.1	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
LPB	49,500	1.85%	0.41%	147,870	0.576	3,469	3.4	14.3	Tích cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính
VNM	63,400	-1.86%	2.26%	132,503	-0.518	4,160	3.9	15.2	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
ACB	24,900	1.84%	2.26%	127,903	0.495	3,385	1.4	7.4	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực
HVN	29,450	2.26%	0.68%	91,634	0.435	3,765	16.4	7.8	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
MWG	85,800	1.30%	7.25%	126,852	0.347	3,955	4.0	21.7	Tích cực	Tích cực	Trung tính	Trung tính
FPT	97,500	0.93%	-0.99%	166,092	0.326	5,280	4.6	18.5	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
BID	38,200	-0.52%	1.73%	268,216	-0.294	3,781	1.7	10.1	Trung tính	Tích cực	Tiêu cực	Tiêu cực

Tín hiệu kỹ thuật các cổ phiếu HNX và UpCom

TOP 10 ĐÓNG GÓP VÀO CHỈ SỐ HNX												
Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Vốn hóa (tỷ VND)	Thay đổi chỉ số	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
KSF	71,900	2.71%	-3.23%	64,695	0.862	4,851	5.4	14.8	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
KSV	128,200	4.06%	-13.50%	25,640	0.511	9,526	5.6	13.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
SHS	22,000	2.80%	2.80%	19,788	0.272	1,518	1.6	14.5	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực
MBS	29,400	1.73%	1.38%	19,366	0.165	1,674	2.8	17.6	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực
PVS	33,100	1.85%	4.09%	16,928	0.153	2,841	1.2	11.7	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
IDC	39,200	1.82%	2.36%	14,876	0.133	4,849	2.3	8.1	Tích cực	Trung tính	Tiêu cực	Trung tính
CEO	26,300	1.54%	2.33%	14,923	0.113	360	2.4	73.1	Tích cực	Tích cực	Trung tính	Trung tính
PTI	32,500	-5.80%	-10.47%	3,919	-0.112	2,493	1.5	13.0	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
HUT	16,900	1.20%	-1.74%	18,054	0.106	488	1.7	34.6	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
DHT	75,500	2.86%	1.62%	6,838	0.096	735	6.4	102.7	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực

TOP 10 ĐÓNG GÓP VÀO CHỈ SỐ UPCOM												
Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Vốn hóa (tỷ VND)	Thay đổi chỉ số	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
VGI	73,800	-1.07%	0.82%	224,865	-0.696	3,046	5.9	24.3	Tích cực	Tích cực	Tiêu cực	Trung tính
VCR	49,800	9.21%	24.50%	10,116	0.269	-134	6.5	-358.7	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Trung tính
SJG	19,900	8.15%	-4.78%	8,975	0.211	1,954	1.2	10.2	Trung tính	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính
VEF	136,000	3.19%	3.11%	22,675	0.208	96,612	3.4	1.4	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
FOX	64,900	1.41%	4.68%	48,673	0.197	4,405	4.7	15.0	Tích cực	Tích cực	Tiêu cực	Trung tính
MCH	220,800	0.23%	2.03%	233,416	0.153	7,722	14.6	28.6	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
FIC	18,700	14.72%	47.24%	2,375	0.101	899	1.5	20.8	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
QNS	45,100	1.81%	2.50%	16,580	0.086	5,278	1.7	8.5	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực
VIW	24,400	-17.29%	25.13%	1,650	-0.082	147	2.7	193.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
MVN	46,700	-0.43%	1.74%	55,486	-0.068	1,438	4.1	32.1	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực

Cổ phiếu vượt đỉnh, phá đáy 52w, thanh khoản đột biến

VƯỢT ĐỈNH 52 TUẦN												
Mã	Giá	Thay đổi Giá	GTGD (tỷ VND)	GTGD TB 30 phiên	Giá thấp nhất 52 tuần	Giá cao nhất 52 tuần	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
MCH	220,800	0.2%	57.9	135.6	105,000	220,300	14.6	28.6	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
MWG	85,800	1.3%	605.6	503.4	45,593	85,700	4.0	21.7	Tích cực	Tích cực	Trung tính	Trung tính
ABB	15,400	0.7%	58.2	58.8	6,700	15,300	1.0	7.7	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Trung tính
DCL	41,500	1.2%	67.5	40.1	19,850	41,000	2.0	87.1	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
SBG	15,200	2.0%	9.3	5.7	10,000	15,150	1.3	21.4	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
PLP	8,330	5.0%	7.0	2.2	3,820	7,930	0.9	23.9	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực

KLGD ĐỘT BIẾN												
Mã	Giá	Thay đổi Giá	GTGD (tỷ VND)	GTGD TB 30 phiên	Giá thấp nhất 52 tuần	Giá cao nhất 52 tuần	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
LSG	33,800	6.0%	24.8	4.6	10,200	36,000	3.0	-68.4	Tích cực	Trung tính	Trung tính	Tích cực
VOS	13,650	6.6%	39.9	11.0	10,472	16,661	1.0	24.2	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
DXP	11,100	2.8%	8.6	2.5	7,501	11,900	0.7	7.2	Tích cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
DC4	11,500	1.3%	14.0	4.7	9,637	14,800	1.0	5.7	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực

Tương quan đo lường mức độ tích cực của thị trường

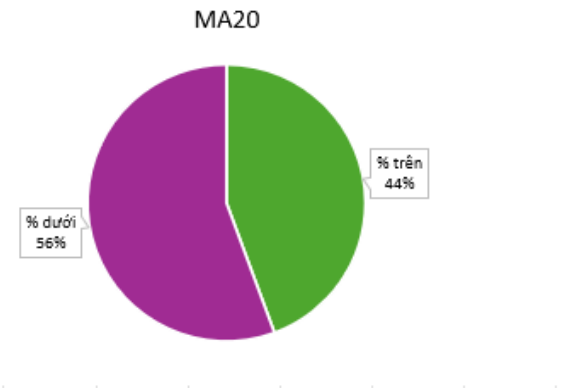

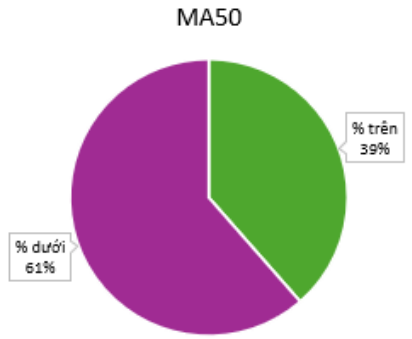

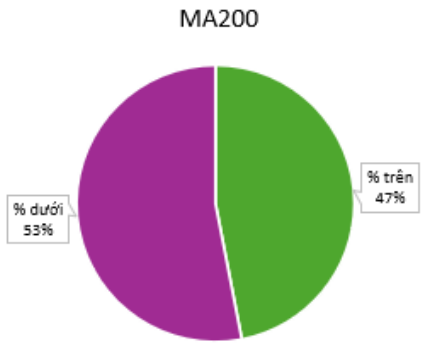

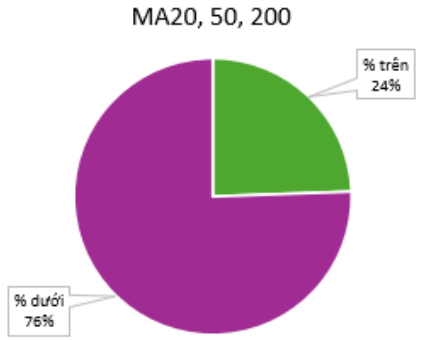

Vietcap

Tương quan đo lường mức độ tích cực của thị trường

Ngày			04/12/2025	03/12/2025	02/12/2025	01/12/2025	28/11/2025	27/11/2025	26/11/2025	25/11/2025	24/11/2025	21/11/2025
VNINDEX	MA200	Trên	54%	52%	51%	50%	50%	50%	50%	49%	51%	52%
		Dưới	46%	48%	49%	50%	50%	50%	50%	51%	49%	48%
	MA50	Trên	44%	39%	34%	35%	31%	35%	32%	29%	32%	32%
		Dưới	56%	61%	66%	65%	69%	65%	68%	71%	68%	68%
	MA20	Trên	57%	46%	40%	37%	37%	39%	41%	31%	38%	42%
		Dưới	43%	54%	60%	63%	63%	61%	59%	69%	62%	58%
VN30	MA200	Trên	77%	77%	73%	73%	70%	70%	70%	67%	67%	73%
		Dưới	23%	23%	27%	27%	30%	30%	30%	33%	33%	27%
	MA50	Trên	57%	57%	43%	40%	23%	30%	27%	20%	30%	33%
		Dưới	43%	43%	57%	60%	77%	70%	73%	80%	70%	67%
	MA20	Trên	90%	73%	57%	40%	37%	50%	43%	27%	40%	47%
		Dưới	10%	27%	43%	60%	63%	50%	57%	73%	60%	53%
HNX	MA200	Trên	49%	48%	49%	48%	48%	48%	46%	45%	47%	48%
		Dưới	51%	52%	51%	52%	52%	52%	54%	55%	53%	52%
	MA50	Trên	39%	39%	36%	34%	33%	36%	35%	32%	34%	35%
		Dưới	61%	61%	64%	66%	67%	64%	65%	68%	66%	65%
	MA20	Trên	49%	48%	49%	48%	48%	48%	46%	45%	47%	48%
		Dưới	51%	52%	51%	52%	52%	52%	54%	55%	53%	52%
UPCOM	MA200	Trên	37%	36%	34%	36%	37%	35%	33%	31%	32%	33%
		Dưới	63%	64%	66%	64%	63%	65%	67%	69%	68%	67%
	MA50	Trên	37%	36%	35%	36%	37%	37%	36%	35%	35%	34%
		Dưới	63%	64%	65%	64%	63%	63%	64%	65%	65%	66%
	MA20	Trên	43%	43%	42%	42%	42%	43%	42%	42%	41%	41%
		Dưới	57%	57%	58%	58%	58%	57%	58%	58%	59%	59%

Tương quan đo lường mức độ tích cực của ngành

Ngành 18		Tháng 12								Tháng 11												
		04 ↓	03	02	01	28	27	26	25	24	21	20	19	18	17	14	13	12	11	10	07
↗	1 Bán lẻ	85	77	73	70	71	74	73	67	70	76	77	80	76	65	62	60	56	50	49	44
	2 Y tế	76	77	72	51	48	42	41	-	-	-	-	-	-	-	-	-	60	-	-	-
↗	3 Hàng cá nhân & Gia ...	64	63	63	65	66	63	60	61	64	64	65	66	60	56	52	48	42	39	39	46
	4 Hóa chất	59	56	52	51	53	54	54	54	54	56	57	57	54	49	46	42	38	35	37	45
	5 Bất động sản	58	52	49	42	51	52	53	50	51	44	45	46	44	40	36	38	36	34	39	48
	6 Du lịch và Giải trí	56	54	54	54	54	52	50	45	42	43	42	44	40	36	35	35	33	32	34	35
↘	7 Viễn thông	55	47	42	40	47	47	46	51	58	58	59	62	61	57	52	53	49	46	47	54
↘	8 Thực phẩm và đồ uố...	55	54	54	50	53	56	57	57	56	58	58	59	56	55	50	49	47	43	44	47
↘	9 Điện, nước & xăng d...	54	55	56	56	58	59	58	60	63	67	67	65	61	59	55	51	48	45	47	51
↘	10 Hàng & Dịch vụ Côn...	50	49	48	45	50	53	51	44	45	48	42	46	43	41	43	39	37	37	37	41
	11 Ngân hàng	49	43	35	31	35	34	32	29	29	31	33	35	29	26	26	27	27	25	26	32
↘	12 Dầu khí	49	49	48	46	48	49	49	46	50	57	61	63	65	65	62	53	51	50	52	61
	13 Xây dựng và Vật liệu	49	46	46	42	45	45	43	41	41	42	43	44	43	41	39	37	33	30	31	39
↘	14 Tài nguyên Cơ bản	48	43	42	44	49	48	46	47	50	51	52	54	49	45	45	43	41	38	42	43
↘	15 Công nghệ Thông tin	45	42	40	37	42	42	40	46	52	55	53	55	64	56	52	52	51	34	38	45
↘	16 Bảo hiểm	45	41	37	42	44	45	46	47	55	60	58	60	57	55	59	65	59	53	54	64
	17 Ô tô và phụ tùng	27	25	25	20	27	37	36	41	44	43	45	48	46	47	43	41	39	37	37	39
	18 Dịch vụ tài chính	24	18	16	13	14	16	16	18	19	18	19	22	19	17	18	20	19	16	16	19

Vietcap

Top các cổ phiếu có tín hiệu kỹ thuật Tích cực

Mã	Giá	Tăng giảm 1 phiên	Tăng giảm 5 phiên	Vốn hóa (tỷ đồng)	PB	PE	EPS	KLGD (tỷ đồng)	Xu hướng	Sum	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
CTG	52,000	0.0%	6.4%	279,240	1.7	8.4	6,208	393.0	Tích cực	9.5	Tích cực	Trung tính	Tiêu cực
VPB	30,250	0.0%	4.0%	240,001	1.6	11.6	2,603	509.6	Tích cực	9.5	Tích cực	Trung tính	Trung tính
MBB	25,700	4.7%	9.4%	207,013	1.6	8.5	3,017	2,052.8	Tích cực	9.5	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực
VPL	102,000	2.0%	14.0%	182,917	5.1	-1,710.6	-60	109.6	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
GAS	65,000	0.8%	3.2%	156,842	2.4	13.0	5,014	66.3	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
HDB	32,950	2.2%	3.0%	127,168	1.9	8.1	4,091	495.0	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
MWG	85,800	1.3%	7.3%	126,852	4.0	21.7	3,955	605.6	Tích cực	9.5	Tích cực	Trung tính	Trung tính
GEE	218,600	-0.4%	5.1%	80,008	10.7	24.0	9,095	96.4	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
SHB	17,300	-0.3%	3.3%	79,471	1.2	6.7	2,577	833.9	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
SAB	50,900	-1.9%	9.7%	65,282	2.9	15.1	3,373	143.2	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
KBC	35,550	1.7%	-0.4%	33,479	1.4	19.0	1,872	111.4	Tích cực	9.5	Trung tính	Trung tính	Trung tính
FRT	158,500	2.2%	8.5%	26,993	8.8	43.8	3,620	127.9	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VPI	57,000	3.6%	0.4%	18,243	3.6	49.6	1,149	150.0	Tích cực	9.5	Trung tính	Trung tính	Trung tính
TAL	49,750	4.7%	11.0%	17,910	3.5	20.6	2,418	55.6	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
CII	27,200	0.6%	4.6%	17,012	1.9	340.1	80	319.4	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
PVS	33,100	1.8%	4.1%	16,928	1.2	11.7	2,841	144.5	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
ABB	15,400	0.7%	6.2%	15,844	1.0	7.7	1,997	58.2	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Trung tính
NTP	64,500	0.0%	1.6%	11,032	2.7	11.0	5,885	12.0	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
DGW	44,000	-1.6%	-0.3%	9,731	3.0	18.3	2,411	142.6	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
PC1	23,200	-0.2%	5.5%	9,542	1.6	16.8	1,377	88.8	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Trung tính

Top các cổ phiếu có tín hiệu kỹ thuật Tiêu cực

Mã	Giá	Tăng giảm 1 phiên	Tăng giảm 5 phiên	Vốn hóa (tỷ đồng)	PB	PE	EPS	KLGD (tỷ đồng)	Xu hướng	Sum	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
VEA	35,000	0.0%	-0.6%	46,468	1.5	6.1	5,767	7.6	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính
REE	63,900	-0.5%	-3.2%	34,612	1.7	13.4	4,776	24.2	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
OIL	10,500	-0.9%	0.0%	10,876	1.0	27.4	384	7.0	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
CMG	37,000	0.4%	-1.5%	7,835	2.6	20.2	1,833	6.9	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
DDV	26,600	0.8%	-3.6%	3,868	1.8	7.0	3,787	23.8	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
TCM	27,950	0.5%	-0.9%	3,131	1.3	11.0	2,535	37.7	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
KSV	128,200	4.1%	-13.5%	25,640	5.6	13.5	9,526	13.7	Tiêu cực	-5.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
KDC	52,000	0.4%	-1.7%	15,070	2.3	185.5	280	14.6	Tiêu cực	-5.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VTP	100,800	0.0%	1.0%	12,276	7.0	32.1	3,139	31.2	Tiêu cực	-5.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
BVS	31,200	0.3%	-1.0%	2,253	0.8	8.8	3,550	7.2	Tiêu cực	-5.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VFS	15,800	-0.6%	-1.9%	2,211	1.3	15.3	1,032	42.6	Tiêu cực	-5.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
CTF	19,700	0.3%	-0.5%	1,884	1.8	53.0	372	5.0	Tiêu cực	-5.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
SIP	55,900	-0.9%	-1.9%	13,534	2.7	10.2	5,474	19.5	Tiêu cực	-4.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
BCM	66,300	0.6%	-0.2%	68,621	3.2	18.5	3,576	9.7	Tiêu cực	-3.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VGC	44,300	0.3%	-1.1%	19,862	2.2	14.3	3,090	22.2	Tiêu cực	-3.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
AGG	15,850	0.3%	-0.9%	2,576	0.8	10.4	1,524	5.4	Tiêu cực	-3.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
FPT	97,500	0.9%	-1.0%	166,092	4.6	18.5	5,280	720.5	Trung tính	-2.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
BSR	15,450	1.0%	-0.3%	77,363	1.4	37.4	413	45.0	Trung tính	-2.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
SSI	32,800	1.4%	-1.2%	68,090	2.2	17.4	1,882	1,050.5	Trung tính	-2.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
GMD	62,100	-1.0%	-2.8%	26,485	2.1	17.7	3,500	98.4	Trung tính	-2.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính

Top các cổ phiếu theo dõi có upside dài hạn lớn

Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Giá mục tiêu	% Upside	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
STK	16,800	1.51%	-0.59%	25,500	51.8%	178	1.4	94.2	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VGC	44,300	0.34%	-1.12%	64,100	44.7%	3,090	2.2	14.3	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
NLG	36,100	0.00%	1.12%	52,100	44.3%	2,149	1.8	16.8	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực
KDH	34,450	0.73%	-2.68%	48,500	40.8%	857	2.1	40.2	Tích cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính
IDC	39,200	1.82%	2.36%	54,000	37.8%	4,849	2.3	8.1	Tích cực	Trung tính	Tiêu cực	Trung tính
DCM	34,250	1.03%	0.88%	46,600	36.1%	3,578	1.7	9.6	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
DXG	19,150	3.23%	2.13%	26,000	35.8%	401	1.6	47.8	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
SZC	31,400	0.48%	0.16%	42,400	35.0%	1,763	1.8	17.8	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
ACB	24,900	1.84%	2.26%	33,300	33.7%	3,385	1.4	7.4	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực
NVL	15,000	0.00%	1.01%	20,000	33.3%	(1,950)	0.8	-7.7	Tích cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính
DXS	10,600	4.95%	6.00%	14,100	33.0%	639	1.0	16.6	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực
SIP	55,900	-0.89%	-1.93%	73,900	32.2%	5,474	2.7	10.2	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
ACG	35,000	1.45%	-1.96%	45,800	30.9%	2,973	1.2	11.8	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính
HPG	27,300	1.87%	1.49%	35,700	30.8%	1,876	1.7	14.6	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
PVS	33,100	1.85%	4.09%	42,100	27.2%	2,841	1.2	11.7	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
MSN	79,900	-0.87%	1.78%	101,200	26.7%	2,196	3.4	36.4	Trung tính	Tích cực	Trung tính	Trung tính
TCB	35,400	1.43%	4.89%	44,800	26.6%	3,112	1.5	11.4	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực
MBB	25,700	4.68%	9.36%	32,500	26.5%	3,017	1.6	8.5	Tích cực	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực
DPG	43,800	1.04%	-0.90%	55,200	26.0%	3,037	2.1	14.4	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
GMD	62,100	-0.96%	-2.82%	78,200	25.9%	3,500	2.1	17.7	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính

Khuyến cáo

Chúng tôi xác nhận rằng những quan điểm được trình bày trong báo cáo này phản ánh đúng quan điểm cá nhân của chúng tôi về công ty này. Chúng tôi cũng xác nhận rằng không có phần thù lao nào của chúng tôi đã, đang, hoặc sẽ trực tiếp hay gián tiếp có liên quan đến các khuyến nghị hay quan điểm thể hiện trong báo cáo này. Các chuyên viên phân tích nghiên cứu phụ trách các báo cáo này nhận được thù lao dựa trên nhiều yếu tố khác nhau, bao gồm chất lượng, tính chính xác của nghiên cứu, và doanh thu của công ty, trong đó bao gồm doanh thu từ các đơn vị kinh doanh khác như bộ phận Môi giới tổ chức, hoặc Tư vấn doanh nghiệp.

Báo cáo này được viết và phát hành bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap. Báo cáo này được viết dựa trên nguồn thông tin đáng tin cậy vào thời điểm công bố. Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap không chịu trách nhiệm về độ chính xác của những thông tin này. Quan điểm, dự báo và những ước lượng trong báo cáo này chỉ thể hiện ý kiến của tác giả tại thời điểm phát hành. Những quan điểm này không thể hiện quan điểm chung của Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Báo cáo này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin cho các tổ chức đầu tư cũng như các nhà đầu tư cá nhân của Công ty cổ phần chứng khoán Vietcap và không mang tính chất mời chào mua hay bán bất kỳ chứng khoán nào được thảo luận trong báo cáo này. Quyết định của nhà đầu tư nên dựa vào những sự tư vấn độc lập và thích hợp với tình hình tài chính cũng như mục tiêu đầu tư riêng biệt. Báo cáo này không được phép sao chép, tái tạo, phát hành và phân phối với bất kỳ mục đích nào nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap. Xin vui lòng ghi rõ nguồn trích dẫn nếu sử dụng các thông tin trong báo cáo này.

Thông tin liên hệ

Phòng Research

Duc Vu, Associate Director
+84 28 3914 3588, ext 363
duc.vu@vietcap.com.vn

Research team
+84 28 3914 3588
research@vietcap.com.vn

Nam Hoang, Head of Research
+84 28 3914 3588, ext 124
nam.hoang@vietcap.com.vn

Brokerage and Institutional Sales & Trading

Tuan Nhan
Managing Director, Brokerage & Institutional Sales & Trading
+84 28 3914 3588, ext 107
tuan.nhan@vietcap.com.vn

Quynh Chau
Managing Director
Brokerage
+84 28 3914 3588, ext 222
quynh.chau@vietcap.com.vn

Vietcap